

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao chỉ tiêu số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính, chỉ tiêu hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cho các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Kế hoạch số 10357/KH-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai hệ thống Quản lý tài liệu điện tử tỉnh và số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 3751/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đắk Lắk năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính được cung cấp, tiếp nhận và giải quyết trực tuyến trên hệ thống Cổng dịch vụ công của tỉnh Đắk Lắk;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 46/TTr-STTTT ngày 13/5/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao chỉ tiêu số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC, chỉ tiêu hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cho các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### 1. Giao các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ chỉ tiêu được giao, các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm đảm bảo đạt chỉ tiêu được giao.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, trình độ tiếp cận Internet của người dân tại địa phương để giao chỉ tiêu hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đối với TTHC được công bố mức độ 3, 4 năm 2022 cụ thể cho các phòng, ban, UBND xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý, hoàn thành trước ngày 30/6/2022; trong đó, yêu cầu mức giao chỉ tiêu tối thiểu 80% đối với phường, tối thiểu 60% đối với thị trấn và tối thiểu 40% đối với xã.

### 2. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị, địa phương trong việc thực hiện Quyết định này; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan tổng hợp, thống kê số liệu kết quả thực hiện chỉ tiêu hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố phục vụ đánh giá, xếp hạng chỉ số xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số và đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố.

## **Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Các Phòng, TT thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (HLy 5).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Hà**

**Phụ lục**  
**BIỂU MỨC GIAO CHỈ TIÊU SỐ HÓA HỒ SƠ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, CHỈ TIÊU HỒ SƠ ĐƯỢC TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, 4 CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC mức độ 3, 4 (theo Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 15/3/2022)	Mức giao chỉ tiêu số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực (theo Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 10/12/2021)	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến/Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết đối với TTHC được công bố mức độ 3, 4 năm 2021 (Trích xuất trên Hệ thống iGate)	Mức giao chỉ tiêu tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến/Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết đối với TTHC được công bố mức độ 3, 4 năm 2022
<b>I. CÁC SỞ, BAN, NGÀNH</b>					
1	Sở Công Thương	118	50%	99,96%	99%
2	Sở Giao thông vận tải	40	50%	37,15%	50%
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	28	50%	95,33%	97%
4	Sở Khoa học và Công nghệ	23	50%	86,67%	88%

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC mức độ 3, 4 (theo Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 15/3/2022)	Mức giao chỉ tiêu số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực (theo Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 10/12/2021)	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến/Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết đối với TTHC được công bố mức độ 3, 4 năm 2021 (Trích xuất trên Hệ thống iGate)	Mức giao chỉ tiêu tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến/Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết đối với TTHC được công bố mức độ 3, 4 năm 2022
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	56	50%	97%	98%
6	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	59	50%	92,23%	94%
7	Sở Ngoại vụ	4	50%	100%	99%
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	67	50%	100%	99%
9	Sở Nội vụ	59	50%	92,57%	87%
10	Sở Thông tin và Truyền thông	34	50%	97,4%	98%
11	Sở Tài chính	3	50%	100%	99%
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	24	50%	0,66%	50%
13	Sở Tư pháp	54	50%	53,59%	55%

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC mức độ 3, 4 (theo Quyết định số 629/QĐ- UBND ngày 15/3/2022)	Mức giao chỉ tiêu số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực (theo Quyết định số 3478/QĐ- UBND ngày 10/12/2021)	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến/Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết đối với TTHC được công bố mức độ 3, 4 năm 2021 (Trích xuất trên Hệ thống iGate)	Mức giao chỉ tiêu tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến/Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết đối với TTHC được công bố mức độ 3, 4 năm 2022
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	151	50%	100%	99%
15	Sở Xây dựng	35	50%	66,67%	68%
16	Sở Y tế	129	50%	98,06%	98%
17	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	9	50%	Không có hồ sơ phát sinh	50%
18	Công an tỉnh	11	50%	99,94%	99%
<b>II. UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ</b>					
1	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	104	40%	78,39%	79%
2	UBND thị xã Buôn Hồ	104	40%	43,41%	45%

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC mức độ 3, 4 (theo Quyết định số 629/QĐ- UBND ngày 15/3/2022)	Mức giao chỉ tiêu số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực (theo Quyết định số 3478/QĐ- UBND ngày 10/12/2021)	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến/Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết đối với TTHC được công bố mức độ 3, 4 năm 2021 (Trích xuất trên Hệ thống iGate)	Mức giao chỉ tiêu tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến/Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết đối với TTHC được công bố mức độ 3, 4 năm 2022
3	UBND huyện Krông Ana	104	40%	51,04%	53%
4	UBND huyện Krông Bông	104	40%	0,02%	40%
5	UBND huyện Krông Pắc	104	40%	86,43%	88%
6	UBND huyện Krông Búk	104	40%	2,39%	40%
7	UBND huyện Krông Năng	104	40%	66,03%	68%
8	UBND huyện Ea H'leo	104	40%	31,81%	40%
9	UBND huyện Ea Kar	104	40%	17,18%	40%
10	UBND huyện Ea Súp	104	40%	21,82%	40%
11	UBND huyện Cư Kuin	104	40%	1,19%	40%

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC mức độ 3, 4 (theo Quyết định số 629/QĐ-UBND ngày 15/3/2022)	Mức giao chỉ tiêu số hóa hồ sơ kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực (theo Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 10/12/2021)	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến/Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết đối với TTHC được công bố mức độ 3, 4 năm 2021 (Trích xuất trên Hệ thống iGate)	Mức giao chỉ tiêu tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến/Tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết đối với TTHC được công bố mức độ 3, 4 năm 2022
12	UBND huyện Cư M'gar	104	40%	89,21%	91%
13	UBND huyện M'Drắk	104	40%	0,03%	40%
14	UBND huyện Buôn Đôn	104	40%	5%	40%
15	UBND huyện Lắk	104	40%	0,57%	40%

**Ghi chú:** Tỷ lệ % mức giao chỉ tiêu được xác định như sau: Lấy số lượng hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 đối với TTHC được công bố mức độ 3,4 của năm; chia cho tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết đối với TTHC được công bố mức độ 3, 4. Ví dụ: Huyện A có tất cả 320 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết; trong đó, có 100 TTHC được công bố mức độ 3, 4; tổng số hồ sơ phát sinh trong năm của 100 TTHC này là 1.000 hồ sơ (bao gồm tiếp nhận, giải quyết trực tiếp, trực tuyến, qua dịch vụ BCCI); số hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 là 800 hồ sơ. Khi đó, tỷ lệ % hồ sơ được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 của huyện A được xác định:  $800/1.000 \times 100\% = 80\%$ .